

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC
TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO. *Văn hóa dân gian người Nguồn trong mối quan hệ với các tộc người phụ cận ở miền Tây Quảng Bình*

Chuyên ngành: Văn hóa dân gian
Mã số: 62.31.70.05

Người Nguồn ở Quảng Bình là một cộng đồng cư dân có địa bàn cư trú tương đối biệt lập giữa những thung lũng của các dãy núi đá vôi thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Cho đến nay, việc xác định lại thành phần dân tộc người Nguồn vẫn còn nhiều ý kiến chưa thống nhất. Cộng đồng người Nguồn chiếm 2/3 dân số huyện Minh Hóa. Trong quá trình phát triển, người Nguồn cùng với đồng bào các dân tộc Chứt (bao gồm các nhóm địa phương: Rục, Mây, Sách, Arem, Mã Liềng), Bru-Vân Kiều (bao gồm Khùa, Trì, Ma Coọng) đã chung lưng đấu cật bảo vệ, xây dựng quê hương. Trong quá trình đó người Nguồn đã sáng tạo nhiều giá trị văn hóa độc đáo. Tìm hiểu những sắc thái văn hóa người Nguồn trong mối quan hệ với các tộc người phụ cận nhằm góp phần bảo tồn, phát huy và làm giàu vốn văn hóa của một vùng núi Trường Sơn này trong sự nghiệp đổi mới hiện nay là việc nên làm và cần thiết. Với quan điểm như vậy, nghiên cứu sinh Trần Thị Phương Thảo đã lựa chọn vấn đề “*Văn hóa dân gian người Nguồn trong mối quan hệ với các tộc người phụ cận ở miền Tây Quảng Bình*” làm đề tài nghiên cứu cho luận án của mình.

Trên cơ sở sử dụng và vận dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, đặc

biệt là phương pháp điều tra dân tộc học, luận án xây dựng lên bức tranh đầy sắc màu liên quan tới vòng quay thời gian của người Nguồn theo chu kỳ niên học.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án chia thành 4 chương (286 trang).

Chương I trình bày *tổng quan về người Nguồn và tình hình nghiên cứu người Nguồn* (tr.6-47).

Trong tài liệu thành văn, tên gọi “Nguồn” được nhắc đến sớm nhất trong cuốn “Ô Châu cận lục” của Dương Văn An (thế kỷ XV), “nguồn” là chỉ đầu nguồn sông suối. Người Nguồn xưa cư trú tập trung ở hai nguồn Cơ Sa và Kim Linh trong những làng cổ như kẻ Sặt, kẻ Xét, kẻ Trem, kẻ Pôộc,... Điều đó cho thấy dấu ấn của đơn vị cư trú người Việt cổ còn đọng lại khá đậm nét trong lịch sử hình thành làng bản của người Nguồn ở Quảng Bình, nơi có nguồn Sầu, nguồn Nậm chảy qua. Tên gọi nơi cư trú trở thành tên tự gọi của nhóm dân cư.

Cộng đồng người Nguồn hiện nay ở miền Tây Quảng Bình có nguồn gốc khác nhau: bộ phận thứ nhất có nguồn gốc tại chỗ là lớp cư dân đầu tiên, gọi là Cọi, Rục; bộ phận thứ hai có nguồn gốc là người Mường ở Tây Thanh Hóa và cả Hòa Bình ngày nay; bộ phận thứ ba có nguồn gốc ở miền Tây Nghệ An, Hà Tĩnh. Người Nguồn là cộng đồng được cổ kết gồm nhiều thành phần từ người bản địa, Mường, Việt, Chứt và có tiếng nói thống nhất, có văn hóa mang sắc thái riêng. Đây là một trong những yếu tố quan trọng hình thành nhiều lớp văn hóa trong văn hóa tổng thể của người Nguồn. Cơ

cấu kinh tế – xã hội khép kín đã góp phần tạo nên những nét văn hóa riêng của người Nguồn. Khái niệm phụ cận được nêu trong nghiên cứu tạm hiểu là các tộc người cận cư gần gũi, có điều kiện giao lưu với người Nguồn. Đó là các nhóm địa phương thuộc dân tộc Chứt (Rục, Mày, Sách). Về cơ tầng văn hóa người Sách thuộc dân tộc Chứt, nhưng biểu tầng là của người Nguồn do một bộ phận đồng bào Sách cư trú cận kề với người Nguồn, tự nguyện gia nhập vào người Nguồn, đã tiếp thu một số hình thức văn hóa của người Nguồn.

Qua khảo sát các tài liệu, tư liệu về địa lý, lịch sử; ngôn ngữ, dân tộc học; văn hóa; di sản – tác giả nhận thấy đến nay những tài liệu về người Nguồn, bao gồm cả tư liệu sưu tầm và tư liệu nghiên cứu, rất ít ỏi, nhưng mang tính gợi mở quan trọng cho các nghiên cứu về sau. Trong chương này, tác giả trình bày các lý thuyết về vùng văn hóa, lý thuyết tiếp cận hệ thống; lý thuyết tiếp cận văn hóa; và lý thuyết về diễn xướng dân gian là những vấn đề lý thuyết được vận dụng trong nghiên cứu ở các phần sau.

Tác giả cho rằng, bất cứ dạng thức văn hóa nào cũng hình thành trên cơ sở của một môi trường tự nhiên, lịch sử với nhiều điều kiện sống và hoạt động của con người. Văn hóa tinh thần truyền thống của người Nguồn với những *tín ngưỡng, lễ hội, ngữ văn dân gian, nghệ thuật diễn xướng dân gian* đã hình thành đa dạng, phong phú được thể hiện trong các phần nghiên cứu của chương II và III.

Nghiên cứu *tín ngưỡng – lễ hội dân gian của người Nguồn* (chương II, tr.48-102), tác giả khẳng định, điều kiện sống đã hình thành nên thế giới quan đa thần – vật linh trong cộng đồng người Nguồn, được biểu hiện rõ trong số lượng và ý nghĩa của các hình thức tín ngưỡng lễ hội.

Tín ngưỡng người Nguồn là sự pha trộn giữa tín ngưỡng bản địa và các tín ngưỡng dân gian Việt/Kinh. Thấp thoáng trong đó có yếu tố Mường (*tín ngưỡng thờ 12 vị Pụt bằng đá* có hình người trên đỉnh lên ông Ngoi, *cúng Pụt* ở lùm thần Thác Pụt, tục sắc bùa, ném xoang, nghi lễ tang ma), yếu tố Kinh (Phật giáo dân gian), yếu tố Chứt-Việt cổ (tục thờ thần tự nhiên) đã tạo nên một hệ thống tín ngưỡng mang đặc trưng riêng. Đáng chú ý có tục thờ Pụt là sự chồng xếp lớp văn hóa cổ với tín ngưỡng Phật giáo dân gian người Kinh.

Người Nguồn có *lễ hội Rằm tháng Ba* đặc sắc là sinh hoạt văn hóa cao nhất của cộng đồng, với những trò chơi và ca hát dân gian trong ngày hội xưa và nay, như *hát đối ví/đúm, giao duyên ở chợ tình* trong lễ hội, *hò thuốc cá* trong lao động; *hát sắc bùa* ngày xuân; kéo co, đi cà kheo, nhảy sạp, chơi cờ người...; hội chợ ẩm thực... đều mang sắc thái văn hóa núi rừng mộc mạc, tự nhiên. Lễ hội Rằm tháng Ba là lễ hội đặc sắc trong văn hóa của người Nguồn, cũng là lễ hội lớn và duy nhất hiện nay ở Minh Hóa. Lễ hội có ý nghĩa quy tụ cộng đồng Nguồn, các tộc người ở Minh Hóa và người dân trong tỉnh cũng như khách thập phương. Ngoài ra, người Nguồn còn có một số lễ hội đặc sắc khác như: lễ hội cầu đảo, lễ tết, lễ hội cầu mùa và lễ hội tạ mùa. Người Nguồn đã tiếp thu rất linh hoạt một số yếu tố tín ngưỡng tôn giáo nguyên thủy của văn hóa Việt/Kinh, Chứt bên cạnh việc vẫn bảo lưu bền vững những yếu tố bản địa, tích hợp một số yếu tố văn hóa mới, trong đó yếu tố bản địa vùng sơn cước nổi trội và đã tự phát triển theo hướng “Nguồn hóa” riêng của mình.

Nghiên cứu *một số thể loại văn nghệ dân gian người Nguồn* (chương III, tr.103-149), tác giả chỉ rõ, các hình thức

văn học, nghệ thuật diễn xướng dân gian của người Nguồn là sự sáng tạo của cư dân bản địa, đồng thời việc tiếp nhận văn học, nghệ thuật dân gian người Mường, Kinh, Chứt đã được “Nguồn hóa”, tạo nên một mảng màu văn hóa đặc sắc phù hợp với môi trường văn hóa của cộng đồng. Điểm riêng biệt trong văn nghệ dân gian người Nguồn không phải là đề tài phản ánh mà là cách thức phản ánh mang tư duy, nếp nghĩ, cách cảm nhận,... mà tựu quy lại là do khiếu thẩm mỹ của con người xứ sở. Chính vì thế những sáng tạo văn hóa đó có sức sống bền chặt song hành cùng người dân trên đường xây dựng quê hương hướng tới tương lai.

Trong nội dung nghiên cứu này, tác giả tìm hiểu *một số thể loại văn học dân gian* (truyện dân gian và văn vần dân gian Nguồn) và *một số hình thức diễn xướng dân gian của người Nguồn* (hò thuốc cá; đúm, các điệu đúm và hình thức sử dụng trong sinh hoạt dân gian; nói xạ tình hay còn gọi là đúm tỏ tình; pí (vĩ); hát sắc bùa...).

Trong quá trình tiếp xúc, tiếp nhận và tiếp biến bình đẳng giữa những tinh hoa văn hóa tộc người một cách tự nhiên, tự giác, người Nguồn đã tích lũy, bảo lưu và làm giàu vốn văn hóa của mình vừa mang nét đặc trưng của văn hóa bản địa vừa đa dạng hóa vùng quê, để vươn lên phù hợp với cộng đồng. Sự đa dạng hóa đó là một quá trình tiếp nhận, lựa chọn, “Nguồn hóa” tạo thành một cộng đồng văn hóa với tư cách một chỉnh thể, mang những đặc trưng riêng. Ở chương IV này, *văn hóa dân gian người Nguồn trong mối quan hệ với các tộc người phụ cận* (tr.150-179), tác giả nêu lên ba mối quan hệ điển hình với những nét chung – riêng.

Tín ngưỡng, lễ hội Nguồn – Chứt

Tín ngưỡng của người Nguồn, Chứt là tín ngưỡng đa thần “vạn vật hữu linh”. Đây là dấu ấn đầu tiên trong tín ngưỡng của người Việt cổ còn được bảo lưu trong văn hóa của cư dân Chứt, Nguồn. Các quan niệm về ma, thế giới ba tầng, mọi nghi lễ nông nghiệp như lễ xuống giống, lễ gieo hạt, lễ ăn mừng được mùa... đều do sự chi phối của quan niệm “vạn vật hữu linh”. Tuy vậy, mỗi tộc người tùy theo địa vực cư trú cụ thể, điều kiện và hoàn cảnh sống riêng đã thể hiện nhận thức và thực hành nghi lễ có khác nhau. Điều này phù hợp với tính chất đa dạng trong văn hóa Việt Nam. “Tính đa dạng của văn hóa Việt Nam bắt nguồn từ cơ cấu đa tộc người và đa nguồn văn hóa”. Ví dụ như *tục thờ của người Chứt* là tín ngưỡng bản địa ít pha trộn; còn người Nguồn có qui trình nghi lễ tang ma giống các tộc người thuộc nhóm Việt-Mường.

Văn nghệ dân gian Nguồn – Chứt

Vốn cùng cội nguồn ngôn ngữ tiền Việt Mường và đã sinh sống lâu đời ở miền Tây Quảng Bình, dân tộc Chứt và người Nguồn có tập quán với nhiều sinh hoạt văn hóa vật chất tương đồng. Do quá trình gần gũi với nhau, do kết quả của sự giao lưu văn hóa đã xuất hiện một số yếu tố chung, như *về phương diện nội dung truyện dân gian* các tộc người ở đây phong phú hơn cả là những truyện kể về nguồn gốc tộc người, địa danh, sự tích lập bản làng, giải thích một hiện tượng tự nhiên, một loài vật. Nội dung truyện ngắn gọn, dễ hiểu, chứa đựng bên trong là khát khao hiểu biết, khát khao chinh phục tự nhiên, chiến thắng muôn thú,... để sinh tồn và phát triển. Ví dụ: Người Mày và người Nguồn là hai anh em, Nạn hồng thủy, Sự tích núi Cờ Sa,... trong truyện nói rõ nguồn gốc của các dân tộc hiện đang chung sống ở miền Tây Quảng Bình hiện nay. *Về hình thức truyện* ít có những

truyện nhiều tình tiết phong phú; những thể loại như thần thoại, sử thi dường như thiếu vắng. Trong số tư liệu hiện có, truyện dân gian Nguồn-Chút vì thế mà thiếu vắng truyện kể về những anh hùng chinh phục tự nhiên, sáng tạo văn hóa.

Diễn xướng dân gian Nguồn – Chút nhìn chung môi trường diễn xướng người Nguồn đa dạng nên lưu giữ nhiều hình thức phong phú; các tộc người Chút hiếm thấy những sinh hoạt diễn xướng nghệ thuật truyền thống tập thể so với người Nguồn, sinh hoạt văn hóa tinh thần mai một dần.

Văn hóa dân gian người Nguồn đóng vai trò trung tâm cạnh các tộc người phụ cận, là nhân tố quan trọng làm “bệ đỡ” tạo nên bộ mặt văn hóa ở Minh Hóa. Hiện nay, văn hóa đương đại Nguồn còn bảo lưu nhiều hình thức văn hóa truyền thống phong phú, có sắc thái riêng của một vùng thung lũng Tây Quảng Bình. Cơ sở vật chất để phát triển văn hóa đồng thời phát triển dân trí còn nghèo nàn, lạc hậu; đời sống quá khó khăn... những điều đó làm nhiều giá trị văn hóa nghèo dần và có nguy cơ mất hẳn.

Phần cuối luận án, tác giả nêu lên một số vấn đề đặt ra đối với văn hóa Nguồn và các dân tộc phụ cận, là:

- Tiếp tục điều tra, sưu tầm, lưu giữ tài liệu nghiên cứu, giới thiệu, truyền dạy các loại hình văn hóa cho con em các dân tộc địa phương, có chính sách khuyến khích những làng, bản, dòng họ, gia đình,

những già làng, trưởng bản có những đóng góp vào công tác giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa thông tin phục vụ đồng bào dân tộc, nâng cao dân trí.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa phục vụ miền núi và đồng bào dân tộc nhất là cán bộ người dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

- Hỗ trợ và khuyến khích các hoạt động in ấn, xuất bản sách, làm phim, ảnh chụp về đề tài văn hóa các dân tộc ở khu vực này để lưu giữ các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Sớm hướng dẫn các bản làng xây dựng hương ước kết hợp giữa luật tục và luật pháp nhằm nâng cao ý thức pháp luật, tăng cường quản lý xã hội tiến tới xây dựng làng, bản, gia đình văn hóa mới trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở đây.

- Tuyên truyền, giáo dục để đồng bào các dân tộc loại bỏ các hủ tục lạc hậu, các quan niệm cũ về lối sống, quan hệ xã hội để xây dựng thiết chế cộng đồng ổn định đoàn kết và phát triển từ gia đình đến dòng họ và Tổ quốc.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 1/2010.

HÀ CHI
giới thiệu